

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 78/2024/HS-ST

Ngày: 09- 8 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Đình Loan

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Khoản
2. Bà Lương Thị Thu An

- Thư ký phiên toà: Bà Hồ Thị Thanh Phương - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà: Ông Huỳnh P1 - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 57/2024/HSST ngày 21 tháng 5 năm 2024, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2024/HSST-QĐ ngày 17/7/2024 đối với bị cáo:

NGUYỄN VĂN T, sinh năm 1974 tại Quảng Nam; Tên gọi khác: Không có; Nơi cư trú: Tổ 5, khu phố 3B, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Giới tính: Nam; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn D (đã chết) và bà Trần Thị L (đã chết); Vợ: Hồ Thị T4; Con: có 04 người, lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Năm 2010, bị Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 21 tháng 16 ngày về tội “Đánh bạc” tại bản án hình sự sơ thẩm số 62/2010/HSST ngày 01 tháng 7 năm 2010. Bị cáo bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 19/01/2024 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Phạm Xuân K, sinh năm 1995; Nơi cư trú: Tổ 2, khu phố 10, phường H, thị xã C, tỉnh Bình Phước. (Có mặt)

+ Nguyễn Trung T, sinh năm 1997; Nơi cư trú: Tổ dân phố 2, phường P, thành phố P1, tỉnh Gia Lai. (Xin vắng mặt)

+ Bùi Khắc T1, sinh năm 1992; Nơi cư trú: L, xã I, thành phố P1, tỉnh Gia Lai. (Xin vắng mặt)

+ Nguyễn Thị Huyền T2, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Số 98/39, khu phố 7, phường T5, quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. (Xin vắng mặt)

+ Trần Thị T3, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Số 209, đường T6, tổ 7, phường T7, thành phố K, tỉnh Kon Tum. (Xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 11 năm 2018, Nguyễn Văn T chuyển nhượng lại Công ty TNHH Một Thành Viên T8 (sau đây viết gọn là Công ty T8), có trụ sở tại ấp 4, xã M1, huyện B của ông Lê Bá T9. Sau đó, T thực hiện đăng ký thay đổi Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Công ty T8 từ ông T9 sang T và đổi tên thành Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ thương mại T11 (sau đây viết gọn là Công ty T10), chuyển trụ sở Công ty T11 về nhà của T tại tổ 5, ấp 3B, xã M, huyện C (nay là tổ 5, khu phố 3B, phường M, thị xã C), tỉnh Bình Phước. Công ty T11 đăng ký vốn điều lệ là 10 tỷ đồng, với ngành nghề kinh doanh chính là mua bán mủ cao su. Công ty T11 kê khai thuế tại Chi cục Thuế huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (nay là Chi cục Thuế thị xã Chơn Thành). Mặc dù Công ty T11 được thành lập theo hình thức Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nhưng thực tế hoạt động kinh doanh của Công ty như mô hình hộ kinh doanh cá thể, mọi hoạt động của công ty được T trực tiếp điều hành, không có tổ chức hoạt động, không có sự điều hành, chỉ đạo hay phân công như bản điều lệ công ty đã lập ra khi đăng ký thành lập công ty, việc đăng ký vốn điều lệ chỉ thể hiện trên hồ sơ, nguồn vốn hoạt động kinh doanh là của T, tiền lãi thu được từ hoạt động kinh doanh sử dụng để phục vụ cho cá nhân.

Đến tháng 6 năm 2020, T dự trù đi khỏi địa phương khoảng 06 tháng nhưng để không ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty, nên T nhờ cháu họ là Nguyễn Trung T đứng tên người đại diện theo pháp luật và điều hành hoạt động của Công ty T11. Đến khoảng cuối năm 2020, T trở về và tiếp tục điều hành mọi hoạt động của Công ty T11 nhưng vẫn không làm thủ tục thay đổi người đại diện theo pháp luật. Công ty T11 mua hàng mủ cao su thành phẩm của các công ty: Công ty TNHH MTV B1 (sau đây viết gọn là Công ty B1), Công ty TNHH MTV XNK P1 (sau đây viết gọn là Công ty P1), Công ty TNHH Nông Trang H3 (sau đây viết gọn là Công ty Nông Trang H3), Công ty TNHH Nông Phong (sau đây viết gọn là Công ty Nông Phong), Công ty TNHH TMDV Thành Minh K2 (sau đây viết gọn là Công ty Thành Minh K2) và Công ty TNHH TMDV Thiên Lý Space (sau đây viết gọn là Công ty Thiên Lý S). Công ty T11 sử dụng hóa đơn giá trị gia tăng (GTGT) của đơn vị mua hàng để kê khai khấu trừ thuế GTGT, hạch toán chi phí kinh doanh năm 2018, 2019, 2020.

Từ ngày 30 tháng 6 năm 2020 đến ngày 28 tháng 8 năm 2020, Kiểm toán Nhà nước đã tiến hành kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh Bình Phước. Qua kiểm toán công tác quản lý thu ngân sách nhà nước tại Chi cục thuế thị xã Chơn Thành, Kiểm toán Nhà nước phát hiện Công ty T11 có dấu hiệu mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước cụ thể: Công ty T11 mua hàng mủ cao su thành phẩm của 02 công ty đã tạm dừng kinh doanh là Công ty B1 và Công ty P1, 01 công ty đã ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế là Công ty Nông Trang H3 và 01 công ty không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký với cơ quan thuế là Công ty Nông Phong, trong đó:

Công ty B1, 22 tờ hóa đơn GTGT với giá trị hàng hóa mua vào chưa thuế là 35.013.100.000 đồng, thuế GTGT là 1.750.655.000 đồng;

Công ty P1, 01 tờ hóa đơn GTGT với giá trị hàng hóa mua vào chưa thuế là 772.000.000 đồng, thuế GTGT là 77.200.000 đồng;

Công ty Nông Trang H3, 32 tờ hóa đơn GTGT với giá trị hàng hóa mua vào chưa thuế là 167.736.750.000 đồng, thuế GTGT là 8.368.837.500 đồng;

Công ty Nông Phong, 49 tờ hóa đơn GTGT với giá trị hàng hóa mua vào chưa thuế là 97.947.950.000 đồng, thuế GTGT là 4.897.397.500 đồng.

Quá trình điều tra, xác minh xác định:

Công ty N1 được Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Phước cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3801197096 ngày 22 tháng 3 năm 2019, có địa chỉ tại tổ 2, đường Hồ Xuân Hương, khu phố Phú Thịnh, phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước do ông Lê Thanh P3 làm Giám đốc và ông P3 cũng là Giám đốc của Công ty B1. Công ty N1, Công ty B1 không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký, ông P3 hiện không có mặt tại địa phương, không xác định được ở đâu nên chưa làm việc được với ông P3.

Công ty Nông Trang H3 được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 06 tháng 6 năm 2018, do ông Trần Thanh Nguyên làm Giám đốc. Hiện nay ông Nguyên không có mặt tại địa phương, không xác định được đang ở đâu nên chưa làm việc được. Hiện nay, Công ty Nông Trang H3 đã ngừng hoạt động, nhưng chưa hoàn thành nghĩa vụ về thuế. Toàn bộ các hóa đơn Công ty Nông Trang H3 đã xuất cho Công ty T11 trong thời gian Công ty còn hoạt động, đã được công ty kê khai vào kỳ khai thuế quý 3, quý 4 năm 2019.

Công ty Thành Minh K2 được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 23 tháng 7 năm 2015, do bà Võ Thị Ngọc Lan làm Giám đốc. Các hóa đơn GTGT Công ty Thành Minh K2 xuất cho Công ty T11 trong thời gian công ty đang hoạt động, đã được Công ty kê khai vào kỳ tính thuế quý 3 năm 2019. Hiện nay, chưa xác định bà Lan đang ở đâu, chưa làm việc được với bà Lan để làm rõ quá trình mua bán với Công ty T11.

Công ty P1 được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 01 tháng 02 năm 2016, do ông Phạm Xuân K làm Giám đốc. Tháng 3 năm 2019, Công ty P1 đã làm thủ tục tạm ngừng kinh doanh. Hóa đơn Công ty P1 xuất cho Công ty T11 trong thời gian Công ty còn hoạt động, được công ty kê khai vào kỳ tính thuế quý 02 năm 2018. Công ty P1 có bán mũ cao su thành phẩm cho Công ty T11 như nội dung ghi trên hóa đơn năm 2018.

Công ty Thiên Lý S được Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 05 tháng 12 năm 2017, do ông Nguyễn Trọng Nghĩa đứng tên Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Công ty. Qua làm việc với ông Nghĩa, ông Nghĩa không biết gì về việc thành lập, hoạt động của Công ty Thiên Lý S.

Theo hồ sơ tài liệu do Kiểm toán Nhà nước cung cấp thì Công ty T11 sử dụng hóa đơn của 04 doanh nghiệp nêu trên thể hiện tại bảng kê hóa đơn chứng từ hàng hóa dịch vụ mua vào năm 2019, sổ phụ tài khoản ngân hàng của Công ty T11; nhưng căn cứ hồ sơ khai thuế, bảng kê hóa đơn chứng từ hàng hóa dịch vụ mua vào và sổ sách kế toán của Công ty T11 cung cấp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra thì không thể hiện các hóa đơn của Công ty B1, Công ty Nông Phong mà phát sinh các hóa đơn của Công ty TNHH TMDV Thành Minh K2 (sau đây viết gọn là Công ty Thành Minh K2) 03 tờ với giá trị hàng hóa mua vào chưa thuế là 35.885.850.000 đồng, thuế GTGT là 1.794.292.500 đồng và Công ty TNHH

TMDV Thiên Lý Space 09 tờ với giá trị hàng hóa mua vào chưa thuế là 97.070.100.000 đồng, thuế GTGT là 4.853.505.000 đồng. Tuy nhiên do nhân viên kế toán của Công ty T11 đã cung cấp cho kiểm toán nhà nước sổ sách kế toán, tài liệu có liên quan, trong đó có bảng kê hóa đơn chứng từ hàng hóa dịch vụ mua vào năm 2019 thể hiện các hóa đơn của Công ty Nông Phong và Công ty B1 xuất cho Công ty T11 nhưng không thể hiện các hóa đơn của Công ty Nông Phong và Công ty B1 trong sổ sách kế toán của Công ty T11. Thực tế năm 2019, Công ty T11 có ký hợp đồng mua mủ cao su thành phẩm của Công ty Nông Phong, Công ty B1 và đã chuyển khoản một số tiền đặt cọc vào tài khoản của 02 doanh nghiệp này. Công ty Nông Phong, Công ty B1 có xuất hóa đơn GTGT trước cho Công ty T11 theo nội dung hợp đồng, nhưng chất lượng mủ cao su thành phẩm không đạt yêu cầu theo hợp đồng ký kết nên thực tế Công ty T11 từ chối mua hàng của Công ty Nông Phong và Công ty B1 nên Công ty Nông Phong và Công ty B1 có trả lại tiền cọc cho Công ty T11, được Công ty T11 phản ánh trên sổ tiền mặt.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, vào năm 2019 Công ty T11 do T là người trực tiếp điều hành có mua của Nguyễn Minh L3 mủ cao su thành phẩm các loại không có hóa đơn, chứng từ với tổng khối lượng là 3.257 tấn (1.512 tấn mủ SVR10, 1.365 tấn mủ SVR3L, 380 tấn mủ RSS3) với tổng giá trị hàng hóa mua vào chưa thuế là 97.070.100.000 đồng, thuế GTGT là 4.853.505.000 đồng. Quá trình mua bán, T yêu cầu L3 phải xuất hóa đơn cho Công ty T11 để thực hiện việc kê khai hạch toán hàng hóa mua vào nhưng L3 không đăng ký hoạt động kinh doanh, cũng không có hóa đơn, chứng từ đầu vào đối với số mủ nêu trên nên không thực hiện xuất hóa đơn cho Công ty T11; vì vậy, để hợp thức hóa đơn, chứng từ chứng minh nguồn gốc đầu vào của số mủ bán cho Công ty T11, L3 đã trực tiếp liên hệ để Công ty Thiên Lý S xuất khống 09 hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty T11 ghi nội dung bán mủ cao su đúng như tổng khối lượng, giá trị mà L3 đã bán cho Công ty T11. L3 gửi qua đường bưu điện cho T hóa đơn GTGT, hợp đồng mua bán, ủy nhiệm chi rút tiền do Công ty Thiên Lý S ký trước. Công ty T11 đã hợp thức việc thanh toán tiền hàng cho Công ty Thiên Lý S theo hình thức chuyển khoản bằng ủy nhiệm chi, đến tài khoản số 060230102379 của Công ty Thiên Lý S mở tại Ngân hàng Sacombank, sau đó rút tiền mặt ra ngay. Số lượng mủ cao su mua của L3, T tự thuê phương tiện vận chuyển đến các cảng tại thành phố Hồ Chí Minh để T giao nhận trực tiếp cho bên mua, không lập biên bản giao nhận với L3, đồng thời được Công ty T11 xuất chung hóa đơn bán mủ cao su thành phẩm cho Công ty TNHH TM Sabina (sau đây viết gọn là Công ty Sabina). Công ty Sabina đã chuyển khoản qua ngân hàng để thanh toán tiền hàng cho Công ty T11. Số lượng mủ cao su thành phẩm mua của Công ty T11, được Công ty Sabina bán cho Công ty TNHH Vạn Lợi - nay là Công ty Cổ phần Vạn Lợi Kon Tum (sau đây viết gọn là Công ty Vạn Lợi). Do Công ty Sabina là bên đầu tư vốn cho Công ty T11 mua hàng để bán cho Công ty Vạn Lợi và muốn trực tiếp quản lý dòng tiền đầu tư, nên thực tế khi giao nhận hàng, các doanh nghiệp lập biên bản giao nhận ba bên, trong đó người đại diện ký biên bản gồm bên giao là ông Nguyễn Văn T – Giám đốc Công ty T11, bên nhận 1 là bà Lê Thị Ái Thủy – Giám đốc Công ty Sabina và bên nhận 2 là bà Trần Thị T3 – Kế toán trưởng Công ty Vạn Lợi. Số lượng mủ cao su thành phẩm Công ty Sabina mua của Công ty T11 được giao thẳng cho Công ty Vạn Lợi tại các cảng tại thành phố Hồ Chí Minh. Công ty Vạn Lợi chịu trách nhiệm kiểm tra chất lượng hàng và bảo quản hàng sau khi nhận. Mủ cao su thành phẩm được đóng container tại cảng, Công ty Vạn Lợi xuất khẩu trực tiếp cho khách hàng. Việc

mua bán mủ cao su thành phẩm giữa Công ty T11 và các doanh nghiệp trên có ký kết hợp đồng, hóa đơn, chứng từ thanh toán và thực hiện kê khai thuế.

Ngày 08 tháng 3 năm 2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Phước có văn bản số 257/CSKT đề nghị Tổng cục Hải quan kiểm tra, cung cấp thông tin về việc xuất khẩu mủ cao su thành phẩm của Công ty Vạn Lợi từ tháng 8 đến tháng 12 năm 2019 (theo danh sách 756 tờ khai). Đến ngày 07 tháng 4 năm 2023, Tổng cục Hải quan có văn bản số 1606/TCHQ-ĐTCBL trả lời, xác nhận: từ tháng 8 đến tháng 12 năm 2019, Công ty Vạn Lợi có mở 757 tờ khai để xuất khẩu các mặt hàng mủ cao su thành phẩm SVR10, SVR 3L, RSS3 cho khách hàng.

Sau đó, Công ty T11 đã sử dụng 09 số hóa đơn GTGT của Công ty Thiên Lý S để kê khai khấu trừ thuế GTGT, hạch toán chi phí kinh doanh năm 2019, cụ thể như sau:

- Quý 3 năm 2019, Công ty T11 kê khai 03 số hóa đơn gồm: hóa đơn số 0000031 ngày 20 tháng 8 năm 2019; số 0000033 ngày 03 tháng 9 năm 2019 và số 0000035 ngày 12 tháng 9 năm 2019. Tổng giá trị hàng hóa mua vào chưa có thuế là 34.933.150.000 đồng, thuế giá trị gia tăng là 1.746.657.500 đồng.

- Quý 4 năm 2019, Công ty T11 kê khai 06 số hóa đơn gồm: hóa đơn số 0000037 ngày 04 tháng 10 năm 2019; số 0000039 ngày 15 tháng 10 năm 2019; số 0000041 ngày 04 tháng 11 năm 2019; số 0000043 ngày 19 tháng 11 năm 2019; số 0000045 ngày 02 tháng 12 năm 2019 và số 0000047 ngày 16 tháng 12 năm 2019. Tổng giá trị hàng hóa mua vào chưa có thuế là 62.136.950.000 đồng, thuế giá trị gia tăng là 3.106.847.500 đồng.

Xác minh tại Chi cục thuế thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xác định: vào ngày 12 tháng 3 năm 2021, Công ty T11 có nộp Tờ khai thuế GTGT bổ sung lần thứ 2 của quý 3 năm 2019 và lần thứ 3 của quý 4 năm 2019 với nội dung điều chỉnh giảm thuế GTGT đầu vào được khấu trừ với tổng số tiền là 4.853.505.000 đồng (trong đó Quý 3/2019 là 1.746.657.500 đồng, Quý 4/2019 là 3.106.847.500), số tiền này trùng khớp với số tiền thuế GTGT đầu vào của 09 hóa đơn của Công ty Thiên Lý S mà Công ty T11 đã sử dụng để kê khai đầu vào khấu trừ trước đó của quý 3 năm 2019 và quý 4 năm 2019. Việc kê khai điều chỉnh, bổ sung nói trên làm phát sinh tăng thêm số tiền thuế GTGT của Công ty T11 năm 2019 là 3.547.066.954 đồng như;ng chưa nộp vào ngân sách.

Xác minh việc kê khai thuế của Công ty Thiên Lý S được biết, Công ty Thiên Lý S không thực hiện kê khai 09 số hóa đơn GTGT đã xuất cho Công ty T11 nêu trên mà báo cáo xóa bỏ trong báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn quý 4 năm 2019. Ngày 16 tháng 12 năm 2020, Chi cục thuế huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh ra Thông báo số 9872/TB-CCT-KT2 về việc Công ty Thiên Lý S không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký.

Kết luận giám định số 539/KLGĐ-KTHS ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Phước kết luận: chữ viết, chữ ký của người đại diện theo pháp luật Công ty Thiên Lý S và chữ viết, chữ ký của Nguyễn Trọng Nghĩa không phải do một người cùng viết, ký ra đồng.

Tại Kết luận số 1992/KLGĐ-CCT ngày 04 tháng 10 năm 2023 của Giám định viên tư pháp thuộc Cục thuế tỉnh Bình Phước xác định: tổng số tiền thuế giá trị gia tăng với việc đưa vào kê khai khấu trừ 09 số hóa đơn nêu trên dẫn đến gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước là 3.547.066.954 đồng.

Về biện pháp tư pháp:

Đối với số tiền thất thoát do hành vi trốn thuế của Nguyễn Văn T là 3.547.066.954 đồng. T đã khắc phục được 689.000.000 đồng (Trong đó có 310.000.000 đồng nộp tại Cơ quan điều tra Công an thị xã Chơn Thành; 209.000.000 đồng và 170.000.000 đồng nộp tại Chi cục Thuế thị xã Chơn Thành).

Bản cáo trạng số 60/CT-VKSCT ngày 21/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Trốn thuế” theo khoản 3 Điều 200 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Trốn thuế” và áp dụng khoản 3 Điều 200; điểm b, s khoản 1 Điều 51; các điều 35, 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo mức án từ 1.500.000.000 đồng đến 1.700.000.000 đồng.

Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng và các vấn đề khác của vụ án.

Tại phiên tòa: Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước đã truy tố. Bị cáo không tranh luận, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp kết luận giám định và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Nguyễn Văn T là Giám đốc công ty TNHH MTV TMDV T11, T đã lợi dụng danh nghĩa của Công ty T11 mua 3.257 tấn mùn cao su thành phẩm không có hóa đơn, chứng từ của Nguyễn Minh L3 với tổng giá trị hàng hóa mua vào chưa thuế là 97.070.100.000 đồng, thuế giá trị gia tăng là 4.853.505.000 đồng. Sau đó, T đã sử dụng 09 tờ hóa đơn không hợp pháp của Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ Thiên Lý Space (09 hóa đơn này đã được công ty TNHH TMDV Thiên Lý Space báo cáo xóa bỏ vào quý IV/2019 và quý I/2020) để kê khai, hạch toán hàng hóa đầu vào của quý 3 và quý 4 năm 2019 để giảm số tiền thuế phải nộp trong nghĩa vụ thuế, gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước số tiền là 3.547.066.954 đồng (Kết luận số 1992/KLGD-CCT ngày 04 tháng 10 năm 2023 của Giám định viên tư pháp thuộc Cục thuế tỉnh Bình Phước xác định: tổng số tiền thuế giá trị gia tăng với việc đưa vào kê khai khấu trừ 09 số hóa đơn nêu trên dẫn đến gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước là 3.547.066.954 đồng). Như vậy, Hành vi của Nguyễn Văn T thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Trốn thuế”. Do đó, Cáo trạng số 60/CT-VKSCT ngày 21/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về tính chất, mức độ ảnh hưởng của hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế cụ thể là việc thu thuế của cơ quan Nhà nước, gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước, đồng thời gây mất an ninh trật tự địa phương. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp; Bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự; đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi của mình.

[4]. Về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu.

[4.2]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; khắc phục một phần hậu quả nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Từ phân tích trên, xử phạt bị cáo với hình phạt tiền là phù hợp, đủ để cải tạo giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước về tội danh, điều luật áp dụng và hình phạt là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về biện pháp tư pháp:

Đối với số tiền thất thoát do hành vi trốn thuế của Nguyễn Văn T là 3.547.066.954 đồng (Ba tỷ, năm trăm bốn mươi bảy triệu, không trăm sáu mươi sáu nghìn, chín trăm năm mươi tư đồng). Bị cáo T đã khắc phục được 689.000.000 đồng (Sáu trăm tám mươi chín triệu đồng) nên cần buộc bị cáo nộp tiếp số tiền còn lại là 2.858.066.000 đồng - tính tròn số (Hai tỷ, tám trăm năm mươi tám triệu, không trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

[6]. Các vấn đề khác của vụ án

Đối với ông Nguyễn Trung T là người đại diện theo pháp luật của Công ty T11 trong khoảng thời gian từ tháng 6 năm 2020 đến cuối năm 2020, nhưng mọi hoạt động của Công ty T11 do T trực tiếp thực hiện. Tín không biết việc mua bán mủ cao su với Nguyễn Minh L3 trên sổ sách, không được hưởng lợi từ hoạt động trốn thuế của Công ty T11 nên không có cơ sở xem xét vai trò đồng phạm của Tín.

Đối với kế toán của Công ty T11 được T thuê kế toán làm hồ sơ thuế của Công ty T11 theo thời vụ. Kế toán căn cứ vào hồ sơ sổ sách, hóa đơn giá trị gia tăng, hợp đồng mua bán do T cung cấp để làm hồ sơ kê khai thuế. Sau khi hoàn tất hồ sơ kê khai thuế, T kiểm tra và ký bằng chứng thư số, gửi cơ quan thuế. Bên cạnh đó, T không biết nhân thân của kế toán T thuê nên Cơ quan điều tra không làm việc được nhằm xác định vai trò với T.

Đối với việc mua bán hàng hoá giữa của Công ty T11 với Công ty TNHH MTV B1, Công ty TNHH Nông Trang H3, Công ty TNHH Nông Phong, Công ty TNHH TMDV Thành Minh K2; những người đại diện của các công ty nêu trên không biết hiện đang ở đâu nên Cơ quan điều tra chưa thể làm việc để xác định cụ thể việc mua bán hàng hoá. Cơ quan điều tra sẽ đề nghị xử lý sau khi làm việc được với những người đại diện theo pháp luật của các công ty nêu trên.

Đối với Nguyễn Minh L3 có hành vi mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước, nhưng không xác định L3 đang ở đâu nên chưa xác định được cụ thể việc mua bán trái phép hóa đơn. Cơ quan điều tra sẽ đề nghị xử lý sau khi làm việc được với L3.

[7]. Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo luật định.

Về án phí dân sự sơ thẩm bị cáo phải chịu án phí có giá ngạch đối với số tiền còn phải nộp 2.858.066.000 đồng là 89.161.320 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trốn thuế”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

Căn cứ khoản 3 Điều 200; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; các điều 35, 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 1.700.000.000 đồng (Một tỷ bảy trăm triệu đồng).

3. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Buộc Nguyễn Văn T phải nộp số tiền 3.547.066.954 đồng (Ba tỷ, năm trăm bốn mươi bảy triệu, không trăm sáu mươi sáu nghìn đồng - tính tròn số). Bị cáo T đã khắc phục được 689.000.000 đồng (Sáu trăm tám mươi chín triệu đồng) nên cần buộc bị cáo nộp tiếp số tiền còn lại là 2.858.066.000 đồng (Hai tỷ tám trăm năm mươi tám triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) vào ngân sách Nhà nước.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, và 89.161.320 đồng án phí dân sự sơ thẩm

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Chơn Thành;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước;
- CCTHADS thị xã Chơn Thành;
- CA thị xã Chơn Thành;
- UBND nơi cư trú của bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đình Loan